TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1986.

Trú tại: Tổ 2, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mông Th trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Mộng Th và anh Nguyễn Văn H sống chung với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên cờ bạc, không lo cho vợ con dẫn đến hai vợ chồng thường

xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài từ năm 2011 đến tháng 6/2019 thì chị Th và anh H ly thân từ đó cho đến nay. Chị Th cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của việc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Th và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hoài B, sinh năm 2008. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị Th về hôn nhân, con chung nợ chung và tài sản chung. Anh và chị Th chung sống và có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2009. Tuy anh có đánh bài nhưng không thường xuyên và cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vì vậy, chị Th yêu cầu ly hôn thì anh H không đồng ý.

Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoài B – SN: 2008. Trường hợp hai vợ chồng ly hôn thì anh H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa giao con cho chị Th nuôi thì anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 4.000.000đ.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc ly hôn với anh H, giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Mông Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H, cư trú tại ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mông Th thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Mông Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2009. Quá trình chung sống, chị Th cho rằng anh H thường xuyên bài bạc, không lo cho kinh tế gia đình dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã diện ra một thời gian dài. Anh H cho rằng mình chỉ thỉnh thoảng mới đánh bài và vẫn vẫn còn tình cảm vợ chồng, muốn vợ chồng về chung sống với nhau, cùng nhau lo cho con và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, xét mâu thuẫn giữa chị Th và anh H đã kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Th và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hoài B – SN: 2008. Khi ly hôn, chị Th và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy chị Th có công việc với mức thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B, anh H tuy có nguyện vọng nuôi cháu B nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mình có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B, đồng thời cháu B cũng có nguyện vọng sống chung với chị Th. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về con chung, cần giao cháu B cho chị Th nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tuy chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 4.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của anh H, cần được ghi nhận.

Về tài sản chung: anh H và chị Th đều khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: anh H và chị Th khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng Th và anh Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước) hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài B, sinh năm 2008 cho chị Nguyễn Thị Mộng Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005497 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Án phí cấp dưỡng: Anh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải